

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2020

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Bà Nguyễn Thị Ái Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1946; cư trú tại: tổ 15, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1941; nơi cư trú cuối cùng trước khi bị tuyên bố mất tích: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc Th chung sống với nhau từ năm 1973, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà C và ông Th không xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 1993, ông Th tự ý bỏ đi, không liên lạc gì với gia đình và vợ con. Đến năm 2003, ông Th trở về ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để sinh sống được một tháng rồi tiếp tục bỏ đi. Bà C

không có tin tức xác thực của ông Th nên bà C làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Th mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 12/2019/QĐST-VDS ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã tuyên bố ông Th mất tích. Nay, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th.

Về nuôi con chung: bà C và ông Th có 06 con chung tên Nguyễn Thị Lý Mộng Tr, sinh năm 1976; Nguyễn Lý Mộng G, sinh năm 1977; Nguyễn Lý Mộng L, sinh năm 1978 (chết năm 2000 do tai nạn giao thông); Nguyễn Lý Mộng Ngh, sinh năm 1981; Nguyễn Lý Mộng B, sinh năm 1984 và Nguyễn Lý Mộng Ph, sinh năm 1988. Các con chung thành niên nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: bà C không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Th có nơi cư trú cuối cùng trước khi bị Tòa án tuyên bố mất tích là ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Trong vụ án này, Tòa án vẫn tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông Th để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Th đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 29 tháng 11 năm 2019, Tòa án triệu tập họp lệ ông Th lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 16 tháng 12 năm 2019, ông Th vắng mặt không lý do; ngày 16 tháng 12 năm 2019, Tòa án triệu tập họp lệ ông Th lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 09 tháng 01 năm 2020, ông Th cũng vắng mặt không lý do. Do ông Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: bà C khai bà và ông Th chung sống với nhau từ năm 1973, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Theo Đơn xin xác nhận ngày 09 tháng 01 năm 2019 và các giấy khai sinh của những người con chung đầu của bà C và ông Th là Nguyễn Thị Lý Mộng Tr, sinh năm 1976; Nguyễn Lý Mộng G, sinh năm 1977; Nguyễn Lý Mộng Ngh, sinh năm 1981 và Nguyễn Lý Mộng B, sinh năm 1984 do bà C cung cấp, Hội đồng xét xử có căn cứ xác nhận, thời điểm bắt đầu

chung sống của bà C và ông Th như lời khai của bà C là phù hợp (trước ngày 03 tháng 01 năm 1987), theo Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của bà C và ông Th là hôn nhân hợp pháp. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 12/2019/QĐST-VDS ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã tuyên bố ông Th mất tích, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nay, bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, ông Th bị Tòa án tuyên bố mất tích, bà C yêu cầu ly hôn; căn cứ khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, quyết định cho bà C và ông Th ly hôn.

Về nuôi con chung: bà C và ông Th có 06 con chung, 01 con chung đã chết, còn lại 05 con chung đã thành niên nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: bà C không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: bà C là người cao tuổi (đủ 60 tuổi trở lên) theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Ngọc Th:

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc Th.

Về nuôi con chung: các con chung đã thành niên nên bà Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: bà Nguyễn Thị C không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên